

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN**

Thẩm phán ra quyết định: **Bà Vũ Thu Hiền**

Căn cứ vào Điều 9, Điều 32, Điều 33, Điều 34, Điều 35 và Điều 36 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án ngày 13 tháng 4 năm 2021 về việc các bên thỏa thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ vụ việc thuận tình ly hôn giữa:

- **Anh Lê Phụng C, sinh năm 1972**

- **Chị Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1975**

Cùng trú tại: 512 A8 tập thể N, phường N, quận C, Thành phố Hà Nội.

Sau khi nghiên cứu biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án cùng tài liệu kèm theo do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án.

**XÉT THẤY**

Nội dung thỏa thuận, thống nhất của các bên được ghi trong biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án đã có đủ điều kiện quy định tại Điều 31, Điều 33 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1/ Công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án giữa các bên: Anh Lê Phụng C và chị Nguyễn Ngọc T.

2/ Công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án cụ thể như sau:

- Về tình cảm: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lê Phụng C và chị Nguyễn Ngọc T.

- Về con chung: Anh Lê Phụng C và chị Nguyễn Ngọc T có 03 con chung là cháu Lê Danh Đ, sinh ngày 26/01/1995; cháu Lê Ngọc X, sinh ngày 03/9/2002 và cháu Lê Ngọc M, sinh ngày 17/5/2007. Các cháu Lê Danh Đ, Lê Ngọc X đã đủ 18 tuổi, ở với ai là quyền quyết định của các cháu. Giao cháu Lê Ngọc M cho anh Lê Phụng C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của anh Lê Phụng C đối với chị Nguyễn Ngọc T.

Không ai được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung: Anh Lê Phụng C và chị Nguyễn Ngọc T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ: Anh Lê Phụng C và chị Nguyễn Ngọc T xác nhận vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Anh Lê Phụng C và chị Nguyễn Ngọc T không phải nộp lệ phí.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

4/ Các bên, người đại diện hoặc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến quyết định của Tòa án có quyền đề nghị xem xét lại quyết định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định.

5/ Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kiến nghị xem xét lại quyết định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án.

**Nơi nhận:**

- Các bên đương sự;
- VKS quận C;
- Chi cục THADS C
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

(đã ký)

**Vũ Thu Hiền**